|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ AN** | **KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10**  **TRƯỜNG THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU**  **NĂM HỌC 2021 - 2022** |

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI CHÍNH THỨC**

**Môn: Địa lí**

(Đáp án gồm 03 trang)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  **(điểm)** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I**  **(5.0)** | **1** | **Sự khác nhau về độ dài ngày, đêm tại các vĩ độ trên Trái Đất vào ngày 22 tháng 6.** | **1,5** |
|  | - Tại xích đạo ngày dài bằng đêm (bằng 12 h) | *0,25* |
| - Mặt Trời chiếu vuông góc tại chí tuyến Bắc nên nửa cầu Bắc nghiêng về phía Mặt Trời...; các vĩ độ giữa xích đạo với vòng cực Bắc ngày dài hơn đêm; từ vòng cực Bắc đến cực Bắc ngày dài 24 h (toàn ngày) | *0,75* |
| - Nửa cầu Nam chếch xa Mặt Trời các vĩ độ giữa xích đạo với vòng cực Nam đêm dài hơn ngày; từ vòng cực Nam đến cực Nam đêm dài 24 h (toàn đêm) | *0,5* |
| **2** | **Vận động tự quay của Trái Đất ảnh hưởng như thế nào đối với gió Tín phong** | **0,5** |
|  | - Ở nửa cầu Bắc gió bị lệch hướng về bên phải so với hướng chuyển động ban đầu… | *0,25* |
| - Ở nửa cầu Nam gió bị lệch hướng về bên trái so với hướng chuyển động ban đầu ... | *0,25* |
| **3** | **Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, so sánh và giải thích sự khác nhau về chế độ nhiệt tại hai địa điểm Hà Nội và Cà Mau.** | **3,0** |
|  | ***- Sự khác nhau:*** |  |
| + Nhiệt độ trung bình năm Hà Nội thấp hơn Cà Mau (dẫn chứng) | *0,75* |
| + Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất, thấp nhất có sự khác nhau về thời điểm và nhiệt độ (dẫn chứng) | *0,75* |
| + Biên độ nhiệt ở Hà Nội cao, Cà Mau thấp (dẫn chứng) | *0,5* |
| ***- Giải thích:*** |  |
| + Hà Nội nằm xa xích đạo, chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc... | *0,5* |
| + Cà Mau nằm gần xích đạo, khí hậu có tính chất cận xích đạo... | *0,5* |
| **II**  **(3,0)** | **1** | **Trình bày và giải thích sự thay đổi cơ cấu lao động theo ngành ở nước ta.** | **2,0** |
|  | ***\* Trình bày sự thay đổi cơ cấu lao động theo ngành ở nước ta:*** |  |
| - Cơ cấu lao động theo ngành đang thay đổi theo hướng tích cực: | *0,25* |
| + Giảm tỉ lệ lao động trong ngành nông - lâm - ngư nghiệp,… (dẫn chứng). | *0,5* |
| + Tăng tỉ lệ lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ (dẫn chứng). | *0,5* |
| - Sự thay đổi diễn ra còn chậm,… | *0,25* |
| ***\*Giải thích:*** Do quá trình đổi mới và tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa,… | *0,5* |
| **2** | **Ý nghĩa của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở nước ta** | **1,0** |
|  | - Góp phần tăng trưởng kinh tế, thu nhập, chất lượng cuộc sống,... | *0,5* |
| - Giảm sức ép đến tài nguyên, môi trường,… | *0,5* |
| **III**  **(4,0)** | **1** | **Tình hình phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải đường bộ** | **2,0** |
|  | - Chiếm tỉ trọng cao nhất về khối lượng vận chuyển hàng hóa và hành khách,… (dẫn chứng). | *0,5* |
| - Mạng lưới đường bộ không ngừng mở rộng và hiện đại hóa,… (dẫn chứng). | *0,5* |
| - Phân bố rộng khắp, có nhiều tuyến đường chính,… (dẫn chứng). | *0,5* |
| - Còn một số hạn chế,… | *0,5* |
| **Ý nghĩa của tuyến quốc lộ 1** | **1,0** |
| - Là tuyến đường xương sống của hệ thống đường bộ nước ta… | *0,25* |
| - Tạo mối liên hệ kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các vùng kinh tế (trừ Tây Nguyên) và hầu hết các trung tâm kinh tế lớn của cả nước… | *0,25* |
| - Khối lượng vận chuyển hàng hóa, hành khách lớn nhất so với các đường ô tô khác... | *0,25* |
| - Góp phần thúc đẩy sự phân công lao động theo lãnh thổ, tạo điều kiện khai thác tiềm năng và thế mạnh của các vùng… | *0,25* |
| **2** | **Trong những năm gần đây du lịch sinh thái ở nước ta phát triển mạnh, vì:** | **1,0** |
|  | - Nhu cầu du lịch sinh thái trong nước và quốc tế ngày càng lớn… | *0,25* |
| - Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch được đầu tư xây dựng và ngày càng hoàn thiện… | *0,25* |
| - Tài nguyên du lịch tự nhiên ở nước ta phong phú, đa dạng… | *0,25* |
| - Góp phần bảo vệ môi trường, kết nối các loại hình khác, cải thiện đời sống,… | *0,25* |
| **IV**  **(4,0)** | **1** | **Sự khác nhau về điều kiện tự nhiên để phát triển cây công nghiệp lâu năm của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.** | **3,0** |
|  | - Địa hình:  + Trung du và miền núi Bắc Bộ: đa dạng, chủ yếu là núi, bị chia cắt mạnh…  + Tây Nguyên: khối các cao nguyên xếp tầng, tương đối bằng phẳng thuận lợi để hình thành vùng chuyên canh quy mô lớn… | *1,0* |
| - Đất đai :  + Trung du và miền núi Bắc Bộ: nhiều loại đất như đất feralit trên đá phiến, đá vôi và các đá mẹ khác.  + Tây Nguyên: diện tích lớn, chủ yếu là đất đỏ bazan… | *1,0* |
| - Khí hậu:  + Trung du và miền núi Bắc Bộ: khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh thuận lợi để phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt, ôn đới; mùa đông xuất hiện sương muối, sương giá,…  + Tây Nguyên: khí hậu nhiệt đới cận xích đạo thuận lợi để trồng cây công nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới; mùa khô kéo dài thiếu nước nghiêm trọng... | *1,0* |
| **2** | **Vùng Đồng bằng sông Cửu Long phải đề ra các biện pháp sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên, vì:** | **1,0** |
|  | - Có vị trí chiến lược quan trọng trong sản xuất lương thực thực phẩm … | *0,25* |
| - Khai thác có hiệu quả các thế mạnh của tự nhiên… (dẫn chứng) | *0,25* |
| - Góp phần hạn chế những khó khăn về tự nhiên… (dẫn chứng) | *0,25* |
| - Để phát triển bền vững… | *0,25* |
| **V**  **(4,0)** | **1** | **Vẽ biểu đồ** | **2,0** |
|  | **\* Xử lí số liệu:** (đơn vị tính: %)   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **2005** | **2008** | **2010** | **2015** | **2018** | | Dân số | 100 | 103,3 | 105,7 | 111,9 | 115,8 | | Sản lượng | 100 | 109,3 | 112,6 | 127,2 | 123,5 | | Sản lượng lương thực bình quân theo đầu người | 100 | 105,8 | 106,6 | 113,6 | 106,7 | | *0,5* |
| **\* Vẽ biểu đồ:** | *1,5* |
| - Biểu đồ thích hợp nhất: Biểu đồ đường. |  |
| - Yêu cầu: Đảm bảo tính chính xác, thẩm mĩ; có tên biểu đồ, chú giải…*(thiếu mỗi yếu tố trừ 0,25 điểm)* |  |
| **2** | **Nhận xét và giải thích** | **2.0** |
|  | **\* Nhận xét** |  |
|  | - Dân số tăng liên tục; sản lượng lương thực và sản lượng lương thực bình quân theo đầu người biến động… (dẫn chứng) | *0,5* |
| -Tốc độ tăng trưởng dân số, sản lượng lương thực và lương thực có hạt bình quân theo đầu người đều tăng nhưng tốc độ tăng trưởng khác nhau… (dẫn chứng) | *0,5* |
| **\* Giải thích** |  |
| - Dân số tăng liên tục do quy mô dân số lớn, tỉ lệ gia tăng vẫn còn cao… | *0,25* |
| - Sản lượng lương thực tăng do thâm canh tăng vụ, thay đổi cơ cấu cây trồng, … | *0,25* |
| - Sản lượng lương thực bình quân theo đầu người tăng không ổn định do phụ thuộc tốc độ tăng trưởng dân số và sản lượng lương thực... | *0,5* |

*Lưu ý: Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng đủ ý vẫn cho điểm tối đa.*